

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	0%	55%				
1	122230544	NGUYỄN NHẬT	BÁCH	K13KTR1	7				7			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
2	122230599	PHAN CÔNG	LONG	K13KTR1	8				8			8	8.0	Tám	
3	132234801	HỒ TRỌNG	ĐỨC	K13KTR1	8				9			9	8.8	Tám phẩy Tám	
4	132234805	NGUYỄN HIẾU	ANH	K13KTR1	9				8			9	8.8	Tám phẩy Tám	
5	132234827	NGUYỄN VĂN	DƯƠNG	K13KTR1	9				8			9	8.8	Tám phẩy Tám	
6	132234834	NGUYỄN THANH	HÀ	K13KTR1	9				9			10	9.6	Chín phẩy Sáu	
7	132234835	PHAN MINH	HÀ	K13KTR1	8				9			10	9.4	Chín phẩy Bốn	
8	132234839	TRẦN QUANG	HẢI	K13KTR1	9				8			10	9.3	Chín phẩy Ba	
9	132234842	TRẦN ĐÌNH	HIẾU	K13KTR1	9				9			10	9.6	Chín phẩy Sáu	
10	132234844	NGUYỄN QUỐC	HOÀN	K13KTR1	8				8			8.5	8.3	Tám phẩy Ba	
11	132234852	NGUYỄN PHÚ	HÙNG	K13KTR1	9				9			9	9.0	Chín	
12	132234856	ĐẬU NGỌC	KHOA	K13KTR1	8				9			10	9.4	Chín phẩy Bốn	
13	132234859	TRỊNH XUÂN	KIÊN	K13KTR1	8				8			8	8.0	Tám	
14	132234862	NGÔ TÙNG	LINH	K13KTR1	8				8			8	8.0	Tám	
15	132234868	NGUYỄN HOÀNG	LONG	K13KTR1	8.5				8.5			8.5	8.5	Tám phẩy Năm	
16	132234873	NGUYỄN ĐỨC	LUÂN	K13KTR1	8.5				8.5			8.5	8.5	Tám phẩy Năm	
17	132234875	PHAN VĂN	NAM	K13KTR1	8				8			8	8.0	Tám	
18	132234879	LÊ TRƯỜNG	DUY	K13KTR1	8				8			8	8.0	Tám	
19	132234881	NGUYỄN LÊ	HẰNG	K13KTR1	8				8			8	8.0	Tám	
20	132234883	TRẦN THANH	PHONG	K13KTR1	8				8			8	8.0	Tám	
21	132234888	HOÀNG VĂN	QUANG	K13KTR1	9				9			9	9.0	Chín	
22	132234891	PHẠM VĂN	QUỐC	K13KTR1	7				7			7	7.0	Bảy	
23	132234894	NGUYỄN VĂN TIẾN	SỸ	K13KTR1	8				8			8	8.0	Tám	
24	132234898	DƯƠNG THỊ MINH	PHƯƠNG	K13KTR1	8				8			8	8.0	Tám	
25	132234901	NGUYỄN BÁ	THẮNG	K13KTR1	9				9			8	8.5	Tám phẩy Năm	
26	132234903	PHẠM CÔNG	THẮNG	K13KTR1	10				9			9	9.2	Chín phẩy Hai	
27	132234906	HOÀNG VĂN	THÀNH	K13KTR1	9				9			9	9.0	Chín	
28	132234909	NGUYỄN CÔNG	THẢO	K13KTR1	9				9			8	8.5	Tám phẩy Năm	
29	132234914	HOÀNG THỊ THANH	TÂM	K13KTR1	10				9			8	8.7	Tám phẩy Bảy	
30	132234915	TRỊNH THỊ ANH	THU	K13KTR1	10				9			9	9.2	Chín phẩy Hai	
31	132234918	ĐÀO XUÂN	TIẾN	K13KTR1	9				9			8	8.5	Tám phẩy Năm	
32	132234922	NGUYỄN MẠNH	TOÀN	K13KTR1	9				9			9	9.0	Chín	
33	132234929	VĂN BÁ	TRƯỜNG	K13KTR1	9				9			9	9.0	Chín	
34	132234932	NGUYỄN MINH	TUẤN	K13KTR1	9				9			8	8.5	Tám phẩy Năm	

Thời gian : 12/01/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	0%	55%			
35	132234935	LỮ THANH TÙNG	K13KTR1	9				9			9	9.0	Chín	
36	132234941	PHAN VĂN VIỆT	K13KTR1	9				9			9	9.0	Chín	
37	132234942	LÂM VĂN VŨ	K13KTR1	9				9			8	8.5	Tám phẩy Năm	
38	111260527	NGUYỄN THANH HÒA	K13KTR2	8				8			6	6.9	Sáu phẩy Chín	
39	111260668	NGUYỄN THANH VĨNH	K13KTR2	10				8			6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
40	122230536	VÕ CÔNG ĐỊNH	K13KTR2	8				8			V	0.0	Không	
41	122230581	NGUYỄN HẢI HÙNG	K13KTR2	10				8			7.5	8.1	Tám phẩy Một	
42	122230606	PHẠM MINH MÃN		10				8			6	7.3	Bảy phẩy Ba	
43	122230629	NGUYỄN VĂN QUÂN	K13KTR2	10				8			7.5	8.1	Tám phẩy Một	
44	122230676	NGUYỄN ANH TUẤN	K13KTR2	10				8			7.5	8.1	Tám phẩy Một	
45	132234802	ĐỖ THÀNH KHẢ ÂN	K13KTR2	10				8			7.5	8.1	Tám phẩy Một	
46	132234806	NGUYỄN THẾ ANH	K13KTR2	9				8			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
47	132234809	VŨ DUY BẢO	K13KTR2	10				8			7	7.9	Bảy phẩy Chín	
48	132234813	NGUYỄN ĐỨC CHIẾN	K13KTR2	10				8			5	6.8	Sáu phẩy Tám	
49	132234816	ĐỖ TRÍ ĐẠI	K13KTR2	10				8			V	0.0	Không	
50	132234821	TRẦN NGỌC DÔN	K13KTR2	10				9			9	9.2	Chín phẩy Hai	
51	132234825	NGUYỄN THANH DŨNG	K13KTR2	10				9			9	9.2	Chín phẩy Hai	
52	132234828	PHẠM HẢI DƯƠNG	K13KTR2	10				8			8	8.4	Tám phẩy Bốn	
53	132234831	ĐẶNG LÊ HÀ	K13KTR2	10				8			8.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
54	132234838	NGUYỄN LONG HẢI	K13KTR2	10				9			9	9.2	Chín phẩy Hai	
55	132234840	TRẦN XUÂN HẠNH	K13KTR2	10				8			7.5	8.1	Tám phẩy Một	
56	132234843	NGUYỄN THANH HIỀN	K13KTR2	10				9			9	9.2	Chín phẩy Hai	
57	132234847	PHẠM VĂN HOÀN	K13KTR2	10				9			9	9.2	Chín phẩy Hai	
58	132234850	DƯƠNG VIỆT HÙNG	K13KTR2	10				8			8	8.4	Tám phẩy Bốn	
59	132234855	THÁI THỊ THANH HUYỀN	K13KTR2	10				8			8	8.4	Tám phẩy Bốn	
60	132234857	NGUYỄN MINH KHÔI	K13KTR2	10				8			7.5	8.1	Tám phẩy Một	
61	132234863	NGUYỄN THẾ LINH	K13KTR2	10				8			8	8.4	Tám phẩy Bốn	
62	132234870	NGUYỄN PHƯỚC LONG	K13KTR2	10				7			7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
63	132234874	VÕ XUÂN MINH	K13KTR2	10				8			8	8.4	Tám phẩy Bốn	
64	132234877	ĐỖ PHỤNG TRANG ĐÀI	K13KTR2	10				7			7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
65	132234885	BÙI VĂN HIẾU	K13KTR2	10				8			7	7.9	Bảy phẩy Chín	
66	132234886	LÊ CÔNG HUÂN	K13KTR2	10				7			7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
67	132234889	LÊ THANH QUANG	K13KTR2	10				8			8	8.4	Tám phẩy Bốn	
68	132234892	PHẠM CÔNG QUỲNH	K13KTR2	10				8			8	8.4	Tám phẩy Bốn	
69	132234895	LÊ CÔNG TÂM	K13KTR2	10				8			8	8.4	Tám phẩy Bốn	

Thời gian : 12/01/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	0%	55%			
70	132234904	NGUYỄN QUANG THANH	K13KTR2	10				7.5			7	7.7	Bảy phẩy Bảy	
71	132234910	TRẦN ĐỨC THIỆP	K13KTR2	10				7.5			7	7.7	Bảy phẩy Bảy	
72	132234913	TRẦN QUANG THỊNH	K13KTR2	10				7.5			7	7.7	Bảy phẩy Bảy	
73	132234917	HOÀNG THỊ HƯƠNG THỦY	K13KTR2	10				7			7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
74	132234919	VŨ VĂN TIẾN	K13KTR2	10				7			7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
75	132234920	PHẠM THANH VIỆT	K13KTR2	10				10			8	8.9	Tám phẩy Chín	
76	132234924	NGÔ VĂN TRUNG	K13KTR2	10				9			8	8.7	Tám phẩy Bảy	
77	132234940	LÊ VĂN VIỆT	K13KTR2	10				9			8	8.7	Tám phẩy Bảy	
78	132234943	NGUYỄN DUY VŨ	K13KTR2	10				10			8	8.9	Tám phẩy Chín	
79	132234948	NGUYỄN THỊ HOÀNG HIỆP	K13KTR2	10				10			8	8.9	Tám phẩy Chín	
80	132234951	NGUYỄN TÀI HỒNG	K13KTR2	10				9			9	9.2	Chín phẩy Hai	
81	111260533	VÕ QUANG HUY	K13KTR3	6				6			5	5.5	Năm phẩy Năm	
82	111260565	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	K13KTR3	6				6			6	6.0	Sáu	
83	111260686	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	K13KTR3	7				7			6	6.5	Sáu phẩy Năm	
84	112230643	VŨ XUÂN TRƯỜNG	K13KTR3	6				6			5	5.5	Năm phẩy Năm	
85	112230658	ĐÀO VŨ NGỌC TÚ	K13KTR3	7				7			6	6.5	Sáu phẩy Năm	
86	122230550	NGUYỄN TÚ CUỜNG	K13KTR3	8				8			7	7.5	Bảy phẩy Năm	
87	122230576	NGUYỄN ĐẮC HIẾU	K13KTR3	3				4			V	0.0	Không	
88	122230595	VŨ HỮU KÍNH	K13KTR3	6				6			6	6.0	Sáu	
89	122230597	PHẠM NGỌC LINH	K13KTR3	7				7			7	7.0	Bảy	
90	122230649	NGUYỄN BÁ THẠCH	K13KTR3	6				6			5	5.5	Năm phẩy Năm	
91	132234811	TƯỜNG THỊ HẢI BÌNH	K13KTR3	8				7			6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
92	132234815	NGUYỄN VIỆT CUỜNG	K13KTR3	8				8			7	7.5	Bảy phẩy Năm	
93	132234823	PHẠM PHƯƠNG ĐÔNG	K13KTR3	9				9			8.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
94	132234826	NGUYỄN THẾ DƯỠC	K13KTR3	9				9			8	8.5	Tám phẩy Năm	
95	132234830	VÕ ĐỨC DUY	K13KTR3	9				9			8	8.5	Tám phẩy Năm	
96	132234833	ĐỖ THỊ HÀ	K13KTR3	9				9			8.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
97	132234836	TRẦN THỊ NGỌC HÀ	K13KTR3	9				9			9	9.0	Chín	
98	132234837	DƯƠNG VŨ HẢI	K13KTR3	9				9			8	8.5	Tám phẩy Năm	
99	132234845	HỒ XUÂN HÒA	K13KTR3	9				9			8	8.5	Tám phẩy Năm	
100	132234849	HÀ BÍCH HỒNG	K13KTR3	9				9			8	8.5	Tám phẩy Năm	
101	132234858	NGUYỄN GIANG KHÚC	K13KTR3	9				9			8.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
102	132234861	TRƯƠNG VĂN LỢI	K13KTR3	9				9			8.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
103	132234864	NGUYỄN VĂN LINH	K13KTR3	9				9			8.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
104	132234871	NGUYỄN TRONG LONG	K13KTR3	9				9			7.5	8.2	Tám phẩy Hai	

Thời gian : 12/01/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
				20%	0%	0%	0%	25%	0%	0%	55%			
105	132234876	TRẦN MẠNH	K13KTR3	6				6			7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
106	132234878	ĐOÀN THỊ BÍCH	K13KTR3	7				7			8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
107	132234887	TRẦN VĂN	K13KTR3	6				6			6	6.0	Sáu	
108	132234896	BÙI THỊ KIỀU	K13KTR3	7				7			7	7.0	Bảy	
109	132234897	NGÔ LÊ DẠ	K13KTR3	7				7			7	7.0	Bảy	
110	132234905	ĐỖ KIM NHẬT	K13KTR3	6				6			7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
111	132234911	ĐOÀN QUỐC	K13KTR3	6				7			7	6.8	Sáu phẩy Tám	
112	132234916	NGUYỄN ĐĂNG	K13KTR3	7				6			7	6.8	Sáu phẩy Tám	
113	132234921	HOÀNG ĐỨC	K13KTR3	6				5			6	5.8	Năm phẩy Tám	
114	132234927	NGUYỄN HOÀNG	K13KTR3	7				7			8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
115	132234930	HOÀNG ANH	K13KTR3	6				7			6	6.3	Sáu phẩy Ba	
116	132234936	TRẦN NGỌC	K13KTR3	6				7			6	6.3	Sáu phẩy Ba	
117	132234937	HOÀNG THỊ NGỌC	K13KTR3	9				9			9	9.0	Chín	
118	132234939	DƯƠNG THẾ	K13KTR3	9				9			9	9.0	Chín	
119	132234944	TRƯƠNG QUANG	K13KTR3	9				9			9	9.0	Chín	
120	132234949	BÙI VĂN	K13KTR3	9				9			9	9.0	Chín	
121	132234950	LÊ THỊ	K13KTR3	9				9			9	9.0	Chín	
122	132234954	ĐOÀN THANH	K13KTR3	9				9			9	9.0	Chín	
1	111260580	LÊ HỮU NHỰT	K11KTR	9				9			8	8.0	Tám	15343/307

BẢNG THÔNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	120	98%	
2	Số sinh viên nợ	3	2%	
TỔNG CỘNG :		123	100%	

Đà Nẵng, 13/01/2012

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

VÕ QUỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

VUU HỮU THẠNH

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ